Một số thuật ngữ cơ bản

1. Blockchain:

Blockchain là một cuốn sổ kế toán phân phối ghi lại tất cả các giao dịch và hợp đồng thông minh cho một nền tảng tiền điện tử hoặc nền tảng. Sổ này được chia sẻ cho những người tham gia vào mạng lưới. Điều này cho thấy rằng trong toàn bộ hệ thống không phải chỉ có một vị trí duy nhất, một tài liệu có thể làm căn cứ đáng tin (authority) duy nhất, vì những lần sao chép cùng một phiên bản sổ cái được đặt ở nhiều nơi.

2. Block Height

Block height là số lượng các block riêng lẻ trong một blockchain. Khối đầu tiên được gọi là Height 0. Nó còn có tên gọi khác là Genesis Block.

3. Cold Storage

Bạn không thể giữ tiền điện tử trong tài khoản ngân hàng hoặc trong ví của bạn được. Thay vào đó, bạn cần giữ chúng trong cold storage. Cold storage có nghĩa là giữ ví tiền số ở dạng offline tức là không có kết nối với mạng Internet. Cold storage thường có ba dạng chính: Dạng mã in QR mà bạn có thể cất giữ được ở đâu đó an toàn, ổ USB hoặc ví cứng chuyên dụng (hardware wallet).

4. Confirmation

Một giao dịch sẽ nhận được xác nhận khi nó được băm (hash, hàm hash là một hàm số toán học ánh xạ từ dữ liệu có độ dài bất kỳ thành dữ liệu có độ dài cố định) thành công và được thêm vào blockchain. Thông thường trong thế giới tiền điện tử thì cứ sau một khoảng thời gian nhất định, máy đào sẽ thực hiện xác nhận các giao dịch trong một khối. Một giao dịch càng được nhiều xác nhận thì giao dịch đó càng an toàn. Đối với Bitcoin, hầu hết các công ty sẽ yêu cầu khoảng 6 xác nhận trước khi tiến hành xử lý giao dịch.

5. Cryptocurrency

Tiền mã hoá. Một loại tiền kỹ thuật số phi tập trung có thể được sử dụng cho giao dịch hàng hóa, dịch vụ và chuyển giao tài sản. Tiền mã hoá xuất hiện đầu tiên trên thế giới là Bitcoin. Đồng Bitcoin được phát hành vào tháng 1 năm 2009.

6. DApp

DApp là viết tắt của cụm từ “decentralized app” (ứng dụng phi tập trung). Không giống như một ứng dụng thông thường (sử dụng các máy chủ tập trung để chạy mã của ứng dụng), một DApp sẽ chạy trên một mạng ngang hàng phi tập trung (decentralized peer-to-peer network). Một ví dụ nổi tiếng có thể kể đến là CryptoKitties, một trò chơi nuôi mèo. Sàn giao dịch nổi tiếng EtherDelta cũng là một dạng DApp.

Các DApp cũng cần có front-end để hoạt động. Yêu cầu này giúp phân biệt chúng với các hợp đồng thông minh, chỉ chạy trên back-end.

7. Fiat

Fiat là một loại đơn vị tiền tệ quốc gia thông thường như đô la Mỹ, bảng Anh và đồng euro. Nó được chính phủ tuyên bố phát hành và công nhận hợp pháp nhưng không được hỗ trợ chuyển đổi thành các tài sản vật chất như vàng.

8. Fork

Fork là một từ kỹ thuật thường được dùng bởi các nhà phát triển của Bitcoin nói riêng hay trong giới lập trình nói chung mà cụ thể là trong các dự án mã nguồn mở. Nó đơn giản chỉ là sử dụng mã nguồn của một phần mềm trước đó sau đó thay đổi đi để tạo ra một chức năng khác. Ví dụ khi bạn cập nhật một ứng dụng trên chiếc smartphone thì bạn đã có được một bản Fork từ phiên bản cũ, thì khái niệm “Fork” trong Bitcoin cũng tương tự như vậy.

Một blockchain fork có thể phát sinh vì nhiều lý do. Có thể là do các yêu cầu về bảo mật an ninh, cũng có thể một phần trong cộng đồng muốn đưa dự án theo một hướng khác, hoặc có lẽ có một vài các quy tắc quản trị mới được thêm vào mã của blockchain. Một hardfork (bản cập nhật phần mềm bắt buộc và sẽ gây xung đột với phiên bản cũ hơn) sẽ làm cho các block, giao dịch không hợp lệ trước đó biến thành hợp lệ, trong khi một SoftFork (bản cập nhật phần mềm không gây xung đột với phiên bản cũ hơn, không bắt buộc và cho phép mạng điều chỉnh thêm các tính năng mới trong khi đang xử lý) sẽ làm cho các block hợp lệ trước đây trở thành không hợp lệ.

9. Halving

Mã của Bitcoin quy định chỉ có 21 triệu coin có thể tồn tại. Để quản lý dòng coin, phần thưởng cho các thợ mỏ khi đào được một block hợp lệ sẽ được điều chỉnh tại một số thời điểm nhất định. Đợt đầu tiên diễn ra vào cuối năm 2012, 210.000 khối đầu tiên sẽ cho phần thưởng là 50 coin, nhưng đến khối thứ 210.001 thì phần thưởng đã giảm xuống còn 25 coin cho mỗi khối. Đợt thứ 02 diễn ra vào giữa năm 2016 tại số khối 420.001, và phần thưởng giảm xuống còn 12,5 coin. Và điều này sẽ lặp lại cho đến năm 2140, khi tất cả 21 triệu Bitcoin được đào hết.

Nếu số lượng coin được tạo ra quá nhanh và không có một giới hạn cho số lượng tối đa Bitcoin được tạo ra. Giá Bitcoin sẽ bị lạm phát và sẽ có giá trị rất thấp khi có quá nhiều Bitcoin lưu thông trên thị trường.

10. Hash Rate

Hash Rate là đơn vị đo lường khả năng tính toán của thiết bị dùng để khai thác, hoặc đào Bitcoin và các đông tiền kỹ thuật số khác. Hash Rate cho chúng ta biết mức độ thường xuyên tham gia vào mạng Bitcoin của các máy đào cùng sức mạnh đào của chúng. Có thể hiểu nôm na là Hash Rate là một thuật ngữ để chỉ số lượng hash mà một thợ đào tiền điện tử có thể thực hiện mỗi giây.

11. Hashing

Hashing là một thuật ngữ mật mã dùng để chỉ kỹ thuật dùng 1 công thức Toán học nào đó để biến đổi một đối tượng, hay 1 khóa (Key)... tóm lại là những dữ liệu đầu vào có độ dài bất kỳ thành dữ liệu đầu ra có độ dài cố định. Trong thế giới của blockchain, đầu vào là mọi giao dịch đã từng xảy ra, có nghĩa là đầu ra là một kết quả phản ánh trực tiếp trạng thái hiện tại của blockchain. Một thay đổi đối với đầu vào (chẳng hạn như một giao dịch đã chỉnh sửa) sẽ làm thay đổi đáng kể kết quả đầu ra và cảnh báo mọi người về những cố gắng gian lận đã được thực hiện.

12. Hodl

Hodl là một thuật ngữ được sử dụng trong tiền điện tử để chỉ khi một người nắm giữ một coin nào đó mà không bán ra, bất kể giá bị xuống như thế nào. Thuật ngữ này bắt nguồn từ khi một bài đăng của thành viên có nick Game Kyuubi trên bitcointalk, với tiêu đề: “I AM HODLING”, được đăng vào ngày 18 tháng 12 năm 2013.

13. Hot Wallet

Ví nóng (hot wallet) là một thuật ngữ đề cập đến bộ nhớ tiền điện tử được kết nối với Internet. Coin được giữ trong một sàn giao dịch tiền điện tử sẽ thuộc loại này. Sự bảo mật và an toàn của ví nóng phụ thuộc vào thói quen của người sử dụng và bên thứ ba. Do đó, để tránh các nguy cơ về bảo mật, bạn không nên giữ một lượng lớn coin trong ví nóng.

Người sử dụng tiền ảo thường giữ một số tiền nhỏ trong ví nóng để mua sắm trao đổi và số còn lại được cất trong ví lạnh.

14. ICO

Khi tiền điện tử trở lên phổ biến hơn, số lượng các start-up về tiền điện tử cũng tăng theo. Những đồng tiền mới này sẽ được công bố công khai thông qua ICO (Initial Coin Offering). ICO là một hình thức kêu gọi vốn đầu tư khá phổ biến trong các dự án tiền điện tử kỹ thuật số (Cryptocurrency). Khi một công ty hay nhóm phát hành ra cryptocurrency của riêng họ, họ thường tạo ra một số lượng Token nhất định và bán ra những mã token này cho các nhà đầu tư trong nhiều đợt Crowdsale khác nhau. Chúng giống như phiên bản mã hóa của một thị trường chứng khoán IPO.

15. Lambo

Đó là một cụm từ có thể bạn sẽ thấy xuất hiện rất nhiều trong các diễn đàn và phòng chat. Thực ra thì từ này không bao hàm ý nghĩa về kỹ thuật mà chỉ là một cách nói vui gợi sự liên tưởng khi ai đó trở lên giàu có nhờ vào tiền điện tử, đến mức họ có thể mua được những chiếc Lamborghini.

16. Lightning Network

Lightning Network là một giải pháp mở rộng của Bitcoin, giúp mạng lưới Bitcoin hoạt động linh hoạt hơn cải thiện tốc độ giao dịch cũng như chi phí giao dịch. Sử dụng chức năng hợp đồng thông minh, Lightning Network cho phép các khoản thanh toán có thể thực thi ngay lập tức. Nó thậm chí cho phép thanh toán chéo trong blockchain, miễn là cả hai đều sử dụng cùng một mật mã hàm băm. So với hệ thống tiền ảo Bitcoin, Lightning Network vẫn còn trong giai đoạn trứng nước.

17. Mining

Do tính chất mã hóa của tiền điện tử, việc xác minh các giao dịch đòi hỏi một sức mạnh tính toán cực lớn cũng như hệ thống phần cứng chuyên dụng. Những người sử dụng sức mạnh tính toán để giải quyết được các giao dịch sẽ nhận được một số tiền điện tử như một khoản tiền thưởng. Quá trình này được gọi là mining, hay nói một cách dân dã hơn là đào coin.

18. Mooning

Có nghĩa là giá sẽ tăng lên rất cao. Trong năm 2017, dường như chỉ qua một đêm giá trị của các đồng tiền điện tử đã tăng một cách chóng mặt. Vốn hóa thị trường của toàn ngành đã tăng từ 15 tỷ USD trong tháng 1 lên 600 tỷ USD trong tháng 12. Ripple là đồng tiền có được sự tăng trưởng ấn tượng nhất. Giá của nó tăng lên tới 28,963% trong 12 tháng. Hiện tượng được gọi là mooning.

19. Node

Là một nút mạng tức là một phần mềm chạy trên một máy tính tham gia vào mạng lưới với các máy tính khác cũng chạy cùng phần mềm đó trên mạng ngang hàng. Trên mạng ngang hàng thì mỗi một node (nút) được coi ngang hàng với nhau. Nó có trách nhiệm xác minh các giao dịch và giúp sổ kế toán phân phối luôn được cập nhật.

20. Permissioned Ledger

Hầu hết các blockchains, bao gồm cả Bitcoin, đều cho phép bất kỳ ai cũng có thể tham gia vào thị trường. Điều này mang đến một số rủi ro nhất định. Blockchain có thể sẽ dễ bị tấn công 51% hơn. Permissioned ledger có nghĩa là những người được xác minh để có thể tham gia vào hệ thống blockchain.

21. Private Key

Có nghĩa là khoá cá nhân hay khoá bí mật. Nếu bạn muốn gửi hoặc rút tiền, bạn cần sử dụng chìa khóa riêng của mình. Bất cứ ai biết được chìa khóa này có thể truy cập vào ví tiền của bạn, vì vậy bạn cần phải cẩn thận. Nếu bạn làm mất khóa cá nhân (private key), bạn sẽ mất quyền truy cập vào ví tiền của mình mãi mãi.

22. Public Key

Public key là chìa khoá dùng để mã hoá thông tin. Nếu bạn muốn nhận tiền điện tử, hoặc từ trao đổi với những người khác, bạn cần phải cung cấp cho họ khóa công khai của bạn (còn được gọi là địa chỉ công cộng). Chia sẻ khóa không dẫn đến những nguy cơ về bảo mật.

23. Satoshi

Một Satoshi - được đặt tên theo người sáng lập Bitcoin Satoshi Nakamoto - là đơn vị nhỏ nhất của Bitcoin mà có thể được ghi lại trên blockchain. Nó có giá trị 0.00000001 BTC.

24. Smart Contracts

Hợp đồng thông minh. Đây là một khái niệm mới về việc nhúng những đoạn mã có thể thực thi như các chương trình phần mềm, nó được nhúng vào trong các giao dịch để tuỳ tình huống mà giao dịch đó có thể thực thi theo các điều kiện khác nhau. Ngoài các đồng tiền kỹ thuật số, một số blockchains cũng hỗ trợ các hợp đồng thông minh. Mạng hợp đồng thông minh nổi bật nhất là Ethereum.

Hợp đồng thông minh cho phép tài sản không phải tiền tệ có thể được trao đổi liền tay trên blockchain mà không cần qua một trung gian nào cả. Tài sản có thể bao gồm hồ sơ thành viên, bảo hiểm hoặc thậm chí là cả bất động sản.

25. 51% attack

Một trong các thuật ngữ trong Crypto đáng lưu ý là 51% attack. Do blockchain là một công nghệ phân tán phi tập trung, nếu một nhóm người kiểm soát hơn 51% công suất khai thác coin thì họ có thể chiếm được quyền thay đổi Blockchain theo hướng có lợi để trộm cặp một lượng lớn tiền điện tử. 51% attack thường xuất hiện ở các coin sử dụng bằng chứng đồng thuận Proof of Work

26. Airdrop được xem là các thuật ngữ trong Crypto cần lưu ý

Chiến dịch phân phát tiền điện tử cho một nhóm người khi họ thỏa mãn một số điều kiện nhất định. Rất nhiều dự án đã phát một lượng lớn tiền điện tử có giá trị thông qua Airdrop.

27. ASIC

Những cỗ máy chuyên biệt dùng để khai thác một vài loại coin nhất định ngoài ra không có tác dụng gì khác. Vì là cỗ máy chuyên biệt nên thường có hiệu suất lợi nhuận cực kỳ cao; nhưng chúng cũng nhanh chóng bị đào thải bởi các cỗ máy ASIC thế hệ tân tiến hơn.

28. Address thuộc nhóm các thuật ngữ trong Crypto đáng quan tâm

Mỗi một loại tiền điện tử nếu muốn nhận được phải có một địa chỉ công khai để người khác có thể chuyển tiền cho bạn. Có thể hiểu address trong tiền điện tử giống như số tài khoản ngân hàng vậy.

29. All-time-high và All-time-low

Là giá tiền cao nhất và giá tiền thấp nhất trong lịch sử của một loại coin. Điều này có ý nghĩa lịch sử vì nó chỉ ra coin đang ở đâu so với điểm cao và điểm thấp nhất.

30. Altcoin thuộc nhóm các thuật ngữ trong Crypto quan trọng

Tiền điện tử thay thế. Ý chỉ tất cả những loại tiền điện tử không phải Bitcoin (kể cả token vẫn tính là altcoin)

31. Automated Market Maker (AMM)

Hệ thống cung cấp thanh khoản cho các sàn giao dịch mà được thực hiện tự động bởi các nhà cung cấp thanh khoản thông qua một sàn giao dịch phi tập trung.

32. Bull Market và Bear Market

Thị trường đang trong đà tăng giá và ngược lại đang trong đà giảm giá. Nhà đầu tư rất dễ kiếm lợi nhuận trong thị trường tăng giá (Bull Market) ngược lại rất dễ thua lỗ trong thị trường giảm giá (Bear Market). Các từ như Bull, Bear, Bearish, Bullrish cũng có ý nghĩa tương tự.

33. Block chain

Blockchain dùng để chỉ toàn bộ khối dữ liệu của một loại tiền điện tử ghi chép toàn bộ những giao dịch đã diễn ra và địa chỉ tiền điện tử, private key của người dùng mà chúng thường được gọi là sổ cái phân tán.

34. Blocks

Một khối dữ liệu trong Blockchain chứa các giao dịch và có ràng buộc với các Blocks khác. Bạn có thể hình dung Blocks như một toa xe lửa đang kết nối với các toa xe lửa khác bằng xích (chain). Tất cả các Blocks tạo thành một Blockchain hoàn chỉnh.

35. Burn

Chỉ việc một lượng coin hoặc token bị loại bỏ khỏi nguồn cung vĩnh viễn để giảm lạm phát, đảm bảo giá trị cho những người nắm giữ tiền điện tử.

36. Candlesticks

Thường được gọi là “nến” trong tiếng Việt, nó cung cấp các thông tin giá cả của một loại tiền điện tử trong khoảng thời gian xác định.

37. Cryptocurrency

Đây chính là tiền điện tử trong tiếng Anh. Nó chỉ các loại tiền tệ được tạo ra bằng cách mã hóa dữ liệu để bảo mật. Lưu ý là tiền điện tử có thể phi tập trung hoặc không, thậm chí không sử dụng công nghệ Blockchain vẫn có thể được coi là tiền điện tử nếu đáp ứng điều kiện.

38. Coin và token

Coin là chỉ loại tiền điện tử sở hữu Blockchain riêng còn token thì phụ thuộc vào Blockchain của coin khác. Tuy nhiên một số Blockchain đồng bộ coin của họ có tiêu chuẩn như token để dễ dàng trao đổi nội bộ.

39. Cool wallet và hot wallet

Ví lạnh (cool wallet) chỉ những ví được bảo mật tuyệt đối, ngắt kết nối mạng lưu trữ riêng để không ai có thể hack được, ngược lại ví nóng (hot wallet) là ví được kết nối mạng để đáp ứng nhu cầu giao dich (hai thuật ngữ này được dùng trong các sàn giao dịch)

40. DDoS Attack

Một cuộc tấn công bằng cách gửi một lượng lớn dữ liệu vô nghĩa hoặc độc hại để làm tê liệt một hệ thống sàn giao dịch nhằm mục đích phá hoại hoặc đánh cắp tiền điện tử.

41. Distributed Ledger

Sổ cái phân tán. Chỉ một lượng dữ liệu được nắm giữ bởi nhiều bên khác nhau để đảm bảo độ chính xác. Công nghệ Blockchain là một công nghệ để tạo ra sổ cái phân tán, nhưng sổ cái phân tán không nhất thiết được tạo ra bởi Blockchain.

42. DeFi

Tài chính phi tập trung, chỉ các hoạt động tài chính như cho vay, gọi vốn, đầu tư sử dụng các hợp đồng thông minh chạy trên các Blockchain Platform như Ethereum, EOS, DOT, NEO…

43. Exchanges

Sàn giao dịch, đây là nơi các nhà giao dịch mua bán, trao đổi các loại tiền điện tử. Có hai loại sàn giao dịch là sàn giao dịch tập trung và sàn giao dịch phi tập trung.

44. Fiat Currencies

Tiền pháp định. Đây là loại tiền tệ do chính phủ các nước tạo ra như VNĐ, USD, EURO…Sở dĩ phải có khái niệm này để phân biệt với tiền điện tử và trao đổi lẫn nhau.

45. FOMO và FUD

Đây là hai thuật ngữ trái ngược nhau, FOMO là chỉ tâm lý sợ hãi bỏ qua lợi nhuận khi một coin đang tăng giá nhanh chóng, còn FUD là tâm lý hoảng loạn cho rằng thị trường sắp giảm giá mạnh.

46. Fork và Hard Fork và Soft Fork

Fork là thuật ngữ chỉ việc thay đổi giao thức hoặc quy tắc của một loại tiền điện tử mà nó sẽ có ảnh hưởng lớn tới tiền điện tử đó, Hard Fork là các Fork lớn khiến chuỗi khối cũ không tương thích với chuỗi khối mới, bắt buộc phải chia đôi chuỗi Blockchain nếu không được tất cả mọi người dùng đồng ý khiến nó tạo ra một loại tiền điện tử mới. Bitcoin Cash, Ethereum Classic là các loại tiền được Hard Fork ra từ Bitcoin và Ethereum theo kiểu này. Soft Fork thì có thể tương thích với các chuỗi khối cũ nên sẽ không phân chia ra loại tiền điện tử mới.

47. Faucet

Một hệ thống tự động trả thưởng coin cho người dùng thực hiện một số nhiệm vụ nhất định. Thường là một cách phân phối coin khi dự án mới được thực hiện.

48. ICO (Initial Coin Offering)

Mở bán tiền điện tử ban đầu. Đây là một hình thức gọi vốn phổ biến trong lĩnh vực tiền điện tử. Trong đó chủ dự án sẽ bán một phần tiền điện tử do họ phát minh ra để thu lợi nhuận bằng một số các loại tiền điện tử phổ biến như Bitcoin, ETH, USDT…Đầu tư bằng hình thức này khá rủi ro bởi vì nó không được ai đảm bảo rủi ro và không được pháp luật thừa nhận, nhà đầu tư hoàn toàn có thể bị lừa hết số vốn đã đầu tư.

49. IEO (Initial Exchange Offering)

Tương tự như ICO nhưng nó được liên kết với các sàn giao dịch để đảm bảo tính thành công của dự án vì chắc chắn dự án được liệt kê tiền điện tử của họ lên sàn giao dịch. IEO ảnh hưởng rất lớn tới uy tín của sàn giao dịch nên thường được họ sàng lọc kỹ, tuy nhiên không phải dự án IEO nào cũng thành công và có lợi nhuận.

50. STO(Security Token Offering)

Đây là hình thức kêu gọi vốn được sự cho phép của các thể chế tài chính hay chính phủ nơi dự án được tạo ra. Đây được xem là hình thức gọi vốn đảm bảo nhất.

51. IDO (Initial DEX Offering)

Hình thức gọi vốn và liệt kê tiền điện tử trong các sàn giao dịch phi tập trung, hiện tại IDO đang là trend gọi vốn của năm nay do tính tiện lợi của nó.

52. KYC (Know your customer)

Đây là quy trình xác thực thông tin khách hàng để tránh việc rửa tiền của tội phạm. Thường thì KYC yêu cầu thẻ căn cước công dân hay các loại thẻ khác có thông tin cá nhân, sao kê ngân hàng, nhận diện khuôn mặt…KYC có rủi ro mất dữ liệu cá nhân, bạn chỉ nên KYC đối với những sàn giao dịch có thể tin tưởng.

53. Market Cap

Tổng vốn hóa của một loại tiền điện tử, tính bằng giá của coin nhân với số lượng coin. Đây là thông tin quan trọng để xếp hạng coin.

54. Circulating Supply

Nguồn cung hiện tại trên thị trường, chỉ số coin của một loại tiền điện điện tử đang có trong thị trường.

55. Max Supply

Số lượng coin có thể đạt đến tối đa của một loại tiền điện tử (như Bitcoin là 21 triệu)

56. Total Supply

Tổng số lượng coin đã được tạo, kể cả việc nó có lưu hành hay không trừ đi số coin đã bị đốt.

57. Mining

Chỉ hành động “đào” tiền điện tử. Thường là dùng một số máy móc đặc biệt để giải các thuật toán để xác thực giao dịch nhằm nhận được phần thưởng tiền điện tử.Đây là cách khai thác của tiền điện tử sử dụng thuật toán POW.

58. Staking

Chỉ việc khóa một lượng tiền điện tử trong chuỗi để đảm bảo việc vận hành Blockchain, xác thực giao dịch và người staking sẽ nhận được phần thưởng tiền điện tử, đây là cách khai thác của tiền điện tử sử dụng POS.

59. To the moon

Một cụm từ chỉ việc một coin sẽ tăng giá trị cực mạnh trong tương lai, nhưng tăng giá một cách tích cực chứ không phải tạm thời.

60. POW

Thuật toán đồng thuận bằng chứng công việc, trong đó các người đào coin phải chứng minh việc họ đã giải mã thuật toán để nhận được phần thưởng.

61. POS

Thuật toán đồng thuận bằng chứng cổ phần, trong đó các người staking coin phải khóa một lượng coin nhất định và cung cấp cơ sở hạ tầng để xác thực giao dịch nhằm nhận được phần thưởng. Ngoài ra còn nhiều thuật toán đồng thuận khác nhưng ít phổ biến hơn.

61. Private Key

Khóa cá nhân, đây giống như là mật mã để chứa tiền điện tử của nhà đầu tư, nó thường có độ dài 256 bit.

62. ROI

Tỷ lệ lợi nhuận so với giá cả ban đầu khi mở bán của tiền điện tử đó. Mặc dù ROI có nghĩa rộng hơn nhưng trong lĩnh vực tiền điện tử thì ý nghĩa của nó là vậy.

63. Short

Bán khống một loại tiền điện tử, bạn sẽ kiếm lợi nhuận khi coin đó giảm giá.

64. Long

Mua khống một loại tiền điện tử, bạn sẽ kiếm lợi nhuận khi coin đó tăng giá.

65. Genesis Block

Khối Block nguyên thủy để tạo ra các Block tiếp theo trong Blockchain. Đây là chuỗi khối đặc biệt có ý nghĩa tâm linh với mọi loại tiền điện tử. Tiền điện tử gửi trong khối genesis sẽ không bao giờ có thể rút ra được.

66. Hold và Hodl

Đây là hai thuật ngữ có ý nghĩa giống nhau; nó chỉ việc nắm giữ một coin dài hạn bất kể biến động của thị trường.

67. Halving

Chỉ việc một giảm một nửa số lượng coin phát hành trong khối mới. Cứ 4 năm Bitcoin sẽ Halving một lần, đây là sự kiện lớn của lĩnh vực tiền điện tử.

68. Hash

Chỉ một chuỗi ký tự trông như ngẫu nhiên do được trộn lẫn bởi một thuật toán mã hóa dữ liệu gốc để không ai có thể biết dữ liệu đó mà không có mật mã riêng. Đây là cơ sở bảo mật của mọi loại tiền điện tử.

69. Hashpower/Hashrate

Công suất tạo Hash của một hệ thống đào tiền điện tử. Đây là một chỉ số rất quan trọng vì nó tỷ lệ thuận với số lượng coin bạn có thể đào được.

70. Whale

Chỉ những nhà đầu tư có vốn cực lớn; thường thì từ vài chục triệu tới vài trăm triệu USD có khả năng thao túng thị trường.

71. White Paper

Văn bản giới thiệu của một loại tiền điện tử; cung cấp chi tiết về dự án cũng như thông tin kỹ thuật của loại tiền điện tử đó. Không nhất thiết văn bản này phải gọi là White Paper, đây là cách gọi do Satoshi Nakamoto khởi xướng.

72. Cryptocurrency:

Tên gọi chung cho tất cả các loại tiền mã hóa (hay tiền ảo, tiền điện tử) – một dạng tài sản kỹ thuật số được thiết kế như một phương tiện trao đổi có tính bảo mật cao, hoạt động độc lập không dựa trên bất kỳ sự quản lý của bên thứ ba nào.

73. Fiat:

Tiền pháp định, là loại tài sản không có giá trị nội tại (giá trị thực), được ban hành theo quy định của chính phủ, thường lưu hành rộng rãi và sử dụng làm vật ngang giá để trao đổi hàng hóa trong phạm vi quốc gia và quốc tế (ví dụ: USD, EUR, VND,…)

74. Altcoin:

Viết tắt của “Alternative coin”, là tên gọi chung của tất cả các loại tiền mã hóa khác với Bitcoin. Tính tới thời điểm hiện tại đã có khoảng 5400 altcoin được phát minh ra và vận hành trên toàn cầu.

75. Stablecoin:

Là đồng coin được gắn vào một tài sản cố định nào đó nhằm ổn định thị trường tiền mã hoá, được hỗ trợ bởi các tài sản mà nó “neo” vào như vàng, tiền pháp định hoặc các loại tiền mã hoá khác. Một số Stablecoin phổ biến hiện nay như Tether (USDT), USD Coin (USDC), Dai (DAI), VND Coin (VNDC).

76. Token:

Là mã tiền điện tử được phát hành dựa trên một nền tảng đã có từ trước đó, sử dụng như một loại tiền tệ. Khác với khái niệm “coin” chỉ loại tài sản hoạt động riêng lẻ và có ví lưu trữ riêng, token có thể được coi là nhiên liệu hoạt động cho một mạng lưới (gas) hay là đơn vị trao đổi trong các ứng dụng (CMT), lưu trữ trên ví của coin và được quy định về phí giao dịch dựa trên nền tảng gốc.

77. Transaction:

Giao dịch, chỉ hoạt động mua và bán giữa các bên tham gia trong thị trường tiền mã hóa nói riêng, trong lĩnh vực tài chính nói chung.

78. Transaction fee:

Phí giao dịch, được áp dụng tại một số sàn giao dịch nhất định. Phí này do mỗi sàn giao dịch tự quyết định.

79. Exchange:

Sàn giao dịch, nơi tập trung các nhân tố tham gia vào thị trường Crypto như bên mua, bên bán, sản phẩm được giao dịch (các đồng tiền điện tử) hay các bên trung gian khác để diễn ra hoạt động trao đổi. Hiện có hơn 400 sàn giao dịch, tại Việt Nam, nhà đầu tư có thể dễ dàng giao dịch tiền mã hóa qua ứng dụng VNDC Wallet Pro.

80. Mining:

Đào, là quá trình các miner (thợ đào) sử dụng các siêu máy tính (máy đào) để khai thác tiền điện tử.

81. KYC:

Là việc xác minh danh tính được yêu cầu từ phía sàn giao dịch đối với người tham gia, nhằm đảm bảo tính công bằng và sự an toàn cho các tài khoản, thường được thực hiện bằng cách gửi ảnh giấy tờ tùy thân (CMND, CCCD, Hộ chiếu) và chụp ảnh chân dung.Đây là thuật ngữ phổ biến, viết tắt của từ Know Your Customer. KYC là một quy định buộc các tổ chức tài chính phải biết thông tin cá nhân về khách hàng của họ. Quy định này là cách để các chính phủ chống việc rửa tiền hoặc các loại tội phạm trong các giao dịch chuyển tiền.

82. Volume:

Tổng khối lượng giao dịch của một tài sản trong một khoảng thời gian nhất định (giờ, ngày, tháng,…), bao gồm cả khối lượng bán ra và mua vào, có ý nghĩa quan trọng trong việc phản ánh sức mạnh của loại tài sản đó.

83. All-time High (ATH):

Thời điểm tài sản nào đó đạt giá cao nhất từ trước tới giờ.

84. Bull/bullish & Bear/bearish:

Xu hướng lên và xuống của thị trường. Đây là cách đặt tên xu hướng thị trường theo cách tấn công của các con vật. Bull (con bò) thường tấn công (húc) lên phía trên và Bear (con gấu) thường tấn công (cào) xuống phía dưới. Như vậy, khi thị trường có chiều hướng đi lên, chúng ta gọi đó là thị trường bull/bullish và gọi là thị trường bear/bearish trong trường hợp ngược lại.

85. Pump & Dump:

Chỉ những tác động của thị trường lên giá. Pump là đẩy giá lên, hay còn gọi là “bơm giá”. Dump có là đẩy giá xuống, thường là bán tháo tài để rút tiền về.

86. Github:

Công cụ quản lý mã nguồn mở, giúp đảm bảo tính minh bạch và mã nguồn mở nên các phần mềm của lĩnh vực blockchain. Đây là một công cụ quản lý và chia sẻ mã nguồn phần mềm có thể được sử dụng miễn phí nên được rất nhiều những người lập trình ứng dụng blockchain sử dụng vì tính minh bạch, công khai và khả năng hợp tác giữa các lập trình viên rất cao của nó.

87. Governance:

Đây cũng là một thuật ngữ mới được sử dụng phổ biến trong thời gian gần đây. Do mỗi hệ sinh thái tiền mã hóa có rất nhiều người tham gia, rất khó khăn cho các “cổ đông” đồng thuận để chọn lựa những hướng đi nhất định cho cộng đồng. Governance là cách thức cho phép cộng đồng có thể đưa ra quyết định chung mà không tạo ra mâu thuẫn. Đây cũng có nghĩa là quản trị, hay cai trị. Trong hệ sinh thái, các đồng tiền điện tử đc lập trình thêm tính năng Governance giúp người nắm giữ dựa vào đó thực hiện quyền bầu chọn của mình.

Một hệ thống tiền tệ mã hóa thì không chỉ cần có một hệ thống quản trị mà còn cần hệ thống quản trị phi tập trung (Decentralized Governance), tức là không cần thiết phải tin tưởng vào một người hay một tổ chức nào mà cộng đồng có thể đưa ra quyết định bằng cách bỏ phiếu. Công nghệ mã hoá cho phép cộng đồng có thể bỏ phiếu và kiểm soát được việc bỏ phiếu đó sao cho công bằng và minh bạch.

88. FUD:

Thuật ngữ viết tắt của Fear – Uncertainty – Doubt có nghĩa là Sợ hãi – Không chắc chắn – Nghi ngờ. Đây là các dạng tâm lý thiếu chắc chắn khi người dùng đưa ra quyết định đầu tư, mua bán, hoặc giao dịch trên các sàn giao dịch tiền tệ mã hóa. FUDer có nghĩa là người có những đặc điểm đó. Để không bị coi là FUDer, nhà đầu tư nên dành thời gian tìm hiểu thật kỹ lưỡng và ra quyết định đầu tư một cách vững chắc, lý trí.

89. Gas:

Là tên của một đơn vị đo lường năng lượng được sử dụng trong Ethereum. Gas đo lường “hành động” của một hành động hoặc tập hợp các hành động cần thực hiện bao nhiêu: ví dụ, để làm một hành động A, nó sẽ lấy 30 gas, hay để làm hành động B đơn giản hơn thì chỉ cần 15 gas. Khi thực hiện các giao định nhất định, nhà đầu tư cũng chịu ảnh hưởng bởi phí Gas.

90. ICO:

Là từ viết tắt của Initial Coin Offering, đây là dạng huy động vốn ban đầu, tức là nhóm phát triển có thể bán ra một lượng coin ban đầu cho công chúng giống như việc phát hành cổ phiếu lần đầu của các công ty ra thị trường đại chúng (IPO – Initial Public Offering).

91. Inflation:

Là sự lạm phát. Sự lạm phát tăng khi lượng tiền cung lớn hơn lượng hàng hoá trên thị trường khiến cho giá của hàng hoá trở nên đắt đỏ hơn. Inflation ngược nghĩa với Deflation.

92. Deflation:

Là sự giảm phát – ngược lại với ý nghĩa của lạm phát. Giảm phát có nghĩa là khi lượng cung tiền ít hơn nhu cầu lưu thông của loại tiền đó khiến giá của nó tăng lên.

93. Investor: Nhà đầu tư

94. Dyor: là viết tắt của (do your own research) tự mình nghiên cứu.

95. Fomo – fear of missing out:

Cảm giác đáng tiếc khi một điều gì đó tăng vọt mà không có sự có mặt của bạn.

96. Jomo – joy of missing out:

Ngược lại với cảm giác Fomo phổ biến, Jomo chính là cảm giác vui sướng vì bị bỏ rơi: cảm giác vui sướng khi bạn không tham gia đợt bơm khi giá giảm đột ngột.

97. Ledger:

Sổ cái trong kế toán. Trong lĩnh vực tiền tệ mã hóa thì mọi giao dịch của tiền mã hóa được lưu vào trong một cơ sở dữ liệu giống như một sổ cái của các kế toán.

98. Hodl:

Giữ vị trí, từ lóng crypto, mang ý nghĩa là sự cầm giữ ko buông tay. có thể là lời khuyên trong thị trường biến động.

99. Hype:

Có nghĩa là sự thổi phồng hoặc cường điệu. Trong lĩnh vực giao dịch mua bán tiền kỹ thuật số thì một loại tiền bị thổi giá lên cao khác thường được gọi là bị Hype.

100. Liquidity:

Khả năng mua hoặc bán tài sản của thị trường kết hợp với mức độ giá cả tương đối ổn định và nhất quán giữa các giao dịch gọi là thanh khoản

101. Market maker:

(hầu hết) thể chế thương nhân tài lực mạnh (xem: whale) và hiểu biết tốt về động lực thị trường. Những gã đặt tường mua bán quan trọng nhất để giữ thị trường trong “phạm vi”.

102. Marketcap:

Tổng giá trị thị trường của một loại coin. Giá trị này được tính bằng giá khớp lệnh gần nhất nhân với tổng số coin lưu hành trên thị trường của một loại coin nào đó. Giá trị này có thể biến động tuỳ theo nhu cầu của thị trường giữa người mua và người bán ở từng thời điểm.

103. Open source:

Mã nguồn mở. Mã nguồn mở thường được nói nhiều trong lĩnh vực phần mềm nơi mà những lập trình viên cung cấp mã nguồn phần mềm của họ viết công khai lên mạng để mọi người đều có thể xem và sử dụng.